TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2019/DS- ST
Ngày: 26-02-2019.
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Chót.
- Ông Phạm Văn Vũ.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tơ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST–DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2019/QĐST –DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982.

Đăng ký thường trú: 20A6 KP1, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: 176/1 ấp AB, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1968, Hồ Thị G, sinh năm 1969. Đăng ký thường trú: 146/2 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thái B, sinh năm 1977. Đăng ký thường trú: 176/1 ấp AB, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái B: Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1986. Đăng ký thường trú: 200/1 ấp TL, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng chị Võ Thị Kim C là người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái B trình bày:

Ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý tại Đại lý phân phối thuốc thú ý - Thủy sản BL do chị Phan Thị Mỹ L làm chủ; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Khi mua bán hai bên có thỏa thuận;

chị L sẽ giao thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý cho ông N, bà G trước và đến khi thu hoạch tôm xong ông N, bà G có nghĩa vụ trả tiền nợ cho chị L. Việc mua bán không làm hợp đồng, hai bên thỏa thuận khi giao hàng thì ông N phải kiểm tra ký nhận đầy đủ và chị L có viết hóa đơn để theo dõi nợ. Thời gian đầu ông N và bà G trả tiền đầy đủ nhưng đến năm 2018 do nuôi tôm thua lỗ nên ông N và bà G không trả nợ cho chị L. Vào ngày 16/10/2018 hai bên có đối chiếu công nợ thì phía ông N có ký xác nhận vào "Bảng chi tiết công nợ chú 3 N An Quy" thừa nhận còn nợ chị L số tiền 231.207.000 đồng. Mục đích ông N, bà G nuôi tôm là để làm ăn, phát triển kinh tế chung trong gia đình. Số tiền ông N, bà G còn nợ chị L là tiền chung của chị L và anh B .

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G phải liên đới trách nhiệm giao trả cho chị L và anh B số tiền nợ là 231.207.000 đồng; yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G cùng trình bày:

Ông, bà có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý tại Đại lý phân phối thuốc thú ý-Thủy sản B L do chị Phan Thị Mỹ L làm chủ; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Trong năm 2018 do nuôi tôm thua lỗ nên ông, bà không có khả năng trả nợ cho chị L. Vào ngày 16/10/2018 hai bên có đối chiếu công nợ thì ông, bà còn nợ chị L số tiền 231.207.000 đồng. Mục đích ông, bà nuôi tôm là để làm ăn, phát triển kinh tế chung trong gia đình và nuôi con ăn học.

Qua yêu cầu của chị L thì ông, bà đồng ý liên đới để trả cho chị L và anh B số tiền nợ là 231.207.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần mỗi năm 40.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Văn N và Hồ Thị G đăng ký thường trú 146/2 ấp AT, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: chị Phan Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G phải liên đới trả cho chị L và anh B số tiền 231.207.000 đồng; yêu cầu trả 01 lần; không yêu cầu tính lãi. Ông N, bà G đồng ý liên đới cho chị L và anh B số tiền 231.207.000 đồng nhưng xin được trả nợ dần mỗi mỗi năm 40.000.000 đồng cho đến khi hết nợ

[4] Xét thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa chị L với ông N và bà G được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N và bà G thừa nhận có nợ chị L và anh B số tiền 231.207.000 đồng và

đồng ý liên đới trả cho chị L, anh B số tiền nêu trên. Lẽ đó việc chị L yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền 231.207.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của ông N và bà G, xét thấy ông N và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị L và anh B trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L. Mặc khác tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của ông N và bà G. Do đó yêu cầu của ông N và bà G không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do chị Phan Thị Mỹ L không yêu cầu tính tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 231.207.000 đồng x 5% = 11.560.350 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G phải liên đới trách nhiệm giao trả cho chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thái B số tiền 231.207.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Do chị Phan Thị Mỹ L không yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Ông Nguyễn Văn N và bà Hồ Thị G phải liên đới nộp là 11.560.350 đồng.

Chị Phan Thị Mỹ L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 5.780.175 đồng theo biên lai thu số 0021482 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

.